Biểu số 75

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH
Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Sơn Nhất, ngày 08 tháng 10 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng 2026 như sau:

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-	-	-	
I	**Số thu phí, lệ phí**	-	-	-	
1	***Lệ phí***	-	-	-	
	Lệ phí....				
	Lệ phí....				
2	***Phí***	-	-	-	
	Phí ...				
	Phí ...				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	-	-	-	
1	***Chi sự nghiệp .....***	-	-	-	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	-	-	-	
1	***Lệ phí***	-	-	-	
	Lệ phí….				
	Lệ phí….				
2	***Phí***	-	-	-	
	Phí …				
	Phí …				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**23.119**	**10.156**	**43,93%**	**122,27%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**23.119**	**10.156**	**43,93%**	**122,27%**
1	**Chi quản lý hành chính**	-	-	-	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	-	-	-	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*				
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**23.119**	**10.156**	**43,93%**	**122,27%**
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50	10	19,32%	145,01%
4.3	Kinh phí cải cách tiền lương	23.069	10.147	43,98%	122,15%
5	**Chi bảo đảm xã hội**	-	-	-	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	**Chi hoạt động kinh tế**	-	-	-	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	-	-	-	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	-	-	-	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	-	-	-	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	-	-	-	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	**Nguồn vốn viện trợ**	-	-	-	
1	**Chi quản lý hành chính**	-	-	-	
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	-	-	-	
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	-	-	-	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B			-	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	-	-	-	
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B			-	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	-	-	-	
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**	-	-	-	
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	-	-	-	
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	-	-	-	
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	-	-	-	
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	-	-	-	
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	-	-	-	
1	**Chi quản lý hành chính**	-	-	-	
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	-	-	-	
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	-	-	-	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B			-	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	-	-	-	
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B			-	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	-	-	-	
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**	-	-	-	
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	-	-	-	
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	-	-	-	
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	-	-	-	
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	-	-	-	
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Giám đốc

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH

Bs.CKII. Võ Văn Hùng